



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VẠN AN - MAAC**  
**MAAC - Van An Auditing Limited Company**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**

**(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

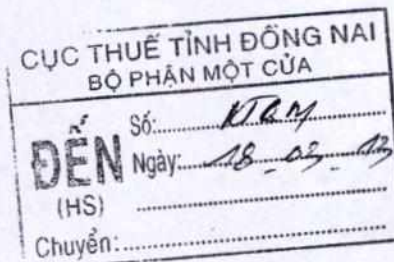
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm



*Nguyễn Tiến Hùng*

# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo Kiểm toán	4
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	5 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 20

# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Khái quát về công ty

CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (gọi tắt là Công ty) là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 1549/QĐCT-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc chuyển Công ty Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Đồng Nai sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3600268170 ngày 01 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thái Học; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Vốn điều lệ: 233.000.000.000 VND

### 2. Hội đồng quản trị và ban điều hành, quản lý:

Thành viên Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Thái Học	Tổng giám Đốc		
Nguyễn Trọng Trí	Phó tổng giám đốc		
Trần Trọng Oai	Phó tổng giám đốc		
Nguyễn Văn Triệu	Phó tổng giám đốc		
Lưu Thị Nga	Kế toán trưởng		

- Trụ sở hoạt động tại: Xa lộ Hà Nội, Phường Long Bình, TP. Biên Hoà, Đồng Nai.
- Mã số thuế công ty: 3600268170
- Điện thoại: 0613.891637 - Fax: 0613.891549
- Các cửa hàng trực thuộc

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hằng năm là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hằng năm.

### 2. Các hoạt động chính

- Sản xuất, chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu các loại nông sản, thực phẩm, vật tư sản xuất nông nghiệp, các loại hạt ăn được, sản phẩm rau quả và trái cây các loại;
- Sản xuất cây điều giống cao sản. Đầu tư chế biến dầu vỏ điều và các sản phẩm từ dầu vỏ điều, các sản phẩm từ cây điều;
- Nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người trồng điều, nghiên cứu chuyển đổi một số giống cây trồng để chế biến sản phẩm xuất khẩu;
- Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh địa ốc, bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ thủ tục xuất nhập khẩu. Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

### 3. Kết quả kinh doanh

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	614,733,226,924	949,394,895,823
Lãi gộp	11,570,315,151	1,690,149,868
Lãi trước thuế	(36,459,944,484)	147,005,331,875

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**4. Các sự kiện sau ngày lập Bảng cân đối kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI.

**5. Các thông tin cơ bản khác**

Trước khi các báo cáo tài chính của CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI được lập, Ban Tổng giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản nào của Công ty đã được xác định phù hợp với thực tế hiện hữu của tài sản đó vào thời điểm kết thúc niên độ. Ban Tổng giám đốc đã lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

**6. Kiểm toán độc lập**

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán Vạn An - MAAC được chọn là kiểm toán độc lập cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 và đã bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**7. Xác nhận của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này Ban Tổng giám đốc phải:

- + Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- + Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng.
- + Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- + Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

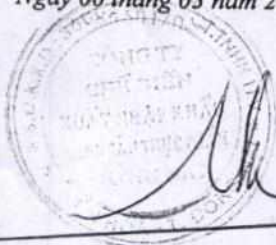
Ban Tổng giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính, các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Thay mặt Ban Tổng giám đốc*

*Ngày 06 tháng 03 năm 2013*



**Nguyễn Thái Học**  
Giám đốc

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Các báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 của  
**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**  
Số: 1031/2013/VACA

Kính gửi: Ban Tổng Giám Đốc

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 của CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2013 từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Công việc kiểm toán được chỉ định sau ngày kết thúc kỳ kế toán, vì vậy chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định và tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kiểm toán viên cũng không có điều kiện để áp dụng phương pháp thay thế khác, vì thế chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để xác định số lượng hàng tồn kho, tài sản cố định và tiền mặt tại thời điểm nêu trên;

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản phải thu, phải trả, sau khi chúng tôi áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng chưa đủ cơ sở chắc chắn để xác định các khoản công nợ nêu trên;

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) từ những hạn chế nêu trên đến các chỉ tiêu của báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Vạn An-MAAC



Nguyễn Thiện Hòa – Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0097/KTV  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thành Trung - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1556/KTV

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>453,524,376,943</b>	<b>430,309,758,804</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17,409,750,799</b>	<b>37,963,296,977</b>
1. Tiền		111		17,409,750,799	37,963,296,977
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>111,463,855,109</b>	<b>97,474,037,600</b>
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	83,907,106,420	67,678,044,314
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	31,038,291,446	23,543,970,537
3. Các khoản phải thu khác		135	V.4	2,911,380,911	12,644,946,417
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		(6,392,923,668)	(6,392,923,668)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>318,545,735,973</b>	<b>279,317,587,173</b>
1. Hàng tồn kho		141	V.5	318,545,735,973	307,503,361,509
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	(28,185,774,336)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>6,105,035,062</b>	<b>15,554,837,054</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ		152		4,389,679,788	4,940,491,882
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.14	1,050,709,126	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.6	664,646,148	10,614,345,172
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>118,247,378,385</b>	<b>114,860,195,826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>57,039,311,820</b>	<b>54,370,562,415</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.7	52,669,364,547	49,970,562,415
<i>Nguyên giá</i>		222		111,478,287,277	102,865,150,339
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(58,808,922,730)	(52,894,587,924)
2. Tài sản cố định vô hình		227		-	-
<i>Nguyên giá</i>		228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.8	4,369,947,273	4,400,000,000
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>		<b>58,309,501,000</b>	<b>58,309,501,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.9	24,168,050,000	24,168,050,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.10	34,141,451,000	34,141,451,000
3. Đầu tư dài hạn khác		258		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>		<b>2,898,565,565</b>	<b>2,180,132,411</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.11	2,898,565,565	2,180,132,411
2. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>571,771,755,328</b>	<b>545,169,954,630</b>

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>416,600,462,382</b>	<b>353,538,717,200</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>416,184,462,382</b>	<b>351,405,617,200</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	393,326,566,852	284,291,903,932
2. Phải trả người bán	312	V.13	9,534,662,832	12,562,071,247
3. Người mua trả tiền trước	313		-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	-	35,301,061,283
5. Phải trả người lao động	315		4,133,771,607	3,977,268,600
6. Chi phí phải trả	316	V.15	448,440,223	592,621,737
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, nghiên cứu khoa học	323	V.16	8,741,020,868	14,680,690,401
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>416,000,000</b>	<b>2,133,100,000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	416,000,000	2,133,100,000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>155,171,292,946</b>	<b>191,631,237,430</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>155,151,292,946</b>	<b>191,611,237,430</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111,040,525,340	111,040,525,340
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		68,088,040,743	68,088,040,743
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12,005,813,050	12,005,813,050
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		476,858,297	476,858,297
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(36,459,944,484)	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>20,000,000</b>	<b>20,000,000</b>
2. Nguồn kinh phí	432		20,000,000	20,000,000
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>571,771,755,328</b>	<b>545,169,954,630</b>



# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

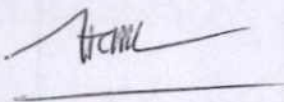
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		390,836,318	390,836,318
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 01 năm 2013



Phạm Thị Tâm  
Người lập biểu



Lưu Thị Nga  
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thái Học  
Giám đốc

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

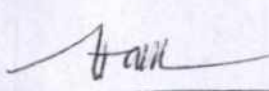
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

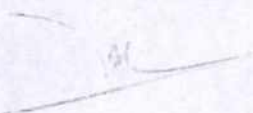
Năm 2012

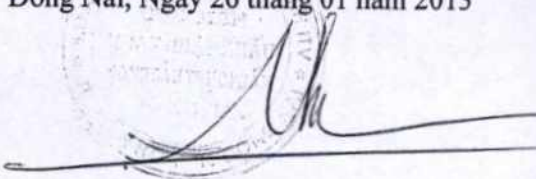
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	614,733,226,924	949,394,895,823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19	668,527,428	10,528,250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	614,064,699,496	949,384,367,573
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	602,494,384,345	947,694,217,705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,570,315,151	1,690,149,868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	3,718,456,820	247,416,228,560
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	39,402,400,814	79,042,221,813
Trong đó: chi phí lãi vay	22		36,598,029,472	54,260,647,513
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	5,298,335,330	5,508,807,538
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	10,908,369,690	16,688,798,888
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40,320,333,863)	147,866,550,189
11. Thu nhập khác	31	V.25	5,953,308,222	494,007,904
12. Chi phí khác	32	V.26	2,092,918,843	1,355,226,218
13. Lợi nhuận khác	40		3,860,389,379	(861,218,314)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(36,459,944,484)	147,005,331,875
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	36,696,579,583
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(36,459,944,484)</u>	<u>110,308,752,292</u>

Đồng Nai, Ngày 26 tháng 01 năm 2013

  
Phạm Thị Tâm  
Người lập biểu

  
Lưu Thị Nga  
Kế Toán Trưởng

  
Nguyễn Thái Học  
Giám đốc

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

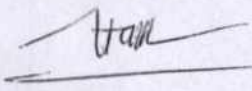
(Theo phương pháp trực tiếp)


Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết r	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		597,736,101,616	852,646,917,559
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(379,301,946,358)	(644,428,757,052)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(60,841,244,735)	(58,084,206,201)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(36,230,198,190)	(54,260,647,513)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05			-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,983,434,299,562	1,738,425,209,217
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,685,821,964,278)	(1,546,422,711,327)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>418,975,047,617</b>	<b>287,875,804,683</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>20</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(790,083,743)	(667,604,507)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		402,199,455	107,465,409
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,636,412,203	2,408,916,500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1,248,527,915</b>	<b>1,848,777,402</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		478,872,032,542	538,702,510,995
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(919,649,154,252)	(812,797,863,832)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(440,777,121,710)</b>	<b>(274,095,352,837)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(20,553,546,178)</b>	<b>15,629,229,248</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>37,963,296,977</b>	<b>22,334,067,729</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>17,409,750,799</b>	<b>37,963,296,977</b>

Biên Hoà, ngày 20 tháng 01 năm 2012

  
Phạm Thị Tâm  
Người lập biểu

  
Lưu Thị Nga  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thái Học  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VND)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. *Hình thức sở hữu vốn: Nhà nước*

2. *Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Sản xuất và xuất khẩu*

3. *Ngành nghề kinh doanh:*

Đầu tư vùng nguyên liệu nông sản. Sản xuất, chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu các loại nông sản, thực phẩm, vật tư sản xuất nông nghiệp, các loại hạt ăn được, sản phẩm rau quả và trái cây các loại. Sản xuất cây điều giống cao sản. Đầu tư chế biến dầu vỏ điều và các sản phẩm từ dầu vỏ điều, các sản phẩm từ cây điều. Nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người trồng điều, nghiên cứu chuyển đổi một số giống cây trồng để chế biến sản phẩm xuất khẩu. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh địa ốc, bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh dịch vụ du lịch. Dịch vụ thủ tục xuất nhập khẩu. Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

4. *Đặc điểm của hoạt động doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:*

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. *Kỳ kế toán năm:* Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. *Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.*

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Cơ sở lập Báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. *Tiền và tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. *Hàng tồn kho*

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* theo giá gốc.

# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VND)

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp sản phẩm hoàn thành tương đương.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	

#### 6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VND)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 7. Chi phí trả trước dài hạn

#### - Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

### 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 9 Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

#### - Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn pháp định đã đầu tư.

+ Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

#### - Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

### 12 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận theo TT số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính.

### 13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3,083,227,979	2,724,343,509
Tiền gửi ngân hàng	10,773,423,259	4,709,836,822
Tiền gửi ngoại tệ	3,553,099,561	30,529,116,646
<b>Cộng</b>	<b><u>17,409,750,799</u></b>	<b><u>37,963,296,977</u></b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhật Sơn	65,286,236	65,286,236
Công ty Toyota Nhật	-	2,843,022,000
Công ty Quán Lâm	132,940,500	132,940,500
Nhà máy Xuân Lộc	-	9,709,000
Công ty TNHH Quốc Hưng	-	754,850
Mars Inter	5,585,149,084	15,750,133,600
Kanematsu Chemicals coporation	3,436,926,761	3,781,323,400
Iar Agricultural	-	2,948,203,400
Red River Foods	17,585,825,409	2,004,695,000
Tohoku Chemical Industrial Việt Nam	379,500,000	505,500,000
Công ty KD hạt điều hải sản Tứ Hải	19,785,314,136	25,717,794,976
Michael Waring Trading PTY	28,371,435,414	11,859,745,002
Chi Commodities	-	1,990,115,400
Nhà máy chế biến Tân Phú	-	21,006,450
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Lộc	68,657,600	-
Công ty Đa ngành Phúc Nguyễn	774,263,120	-
Công ty TNHH Phương Trâm	67,518,160	-
World Commerce FZY Com	7,654,290,000	-
Các đối tượng khác	-	47,814,500
<b>Cộng</b>	<b><u>83,907,106,420</u></b>	<b><u>67,678,044,314</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH D & PTCN Môi trường ATE	-	558,176,000
Công ty cơ khí thực phẩm Biên Hòa	86,600,000	86,600,000
Trạm thu mua Đăk Lăk	-	764,292,214
Công ty TNHH Hòa Phát	6,392,923,668	6,392,923,668
Cơ sở tín Diệu	-	2,500,000,000
Nguyễn Minh Đạo	-	705,000,000
Công ty TNHH Ana	-	-
Nguyễn Thị Hương	450,000,000	450,000,000
Tạ Đình Hải - Mua bán nhân điều	544,400,000	544,400,000
Nguyễn Tấn Hùng - Công ty TNHH Thiên Đồng NT	386,320,369	386,320,369
Công ty Tuấn Minh - mua nhân điều	1,727,779,324	1,727,779,324
Công ty Cổ phần Donafoods Thái Bình	4,358,842,010	4,487,254,855
Vũ Đình Huyền - Công ty TNHH TM TMT	-	378,155,000

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty TNHH Việt Sơn - Đồng Xoài	1,845,083,016	1,845,083,016
Nhà máy Xuân Lộc	-	241,000,000
Công ty TNHH MTV Đức Nghĩa	3,650,000,000	1,000,000,000
Doanh nghiệp tư nhân Kiến Tường	440,000,000	-
Công ty Khai Hoàn An - Hợp đồng làm chủ quyền đất	369,000,000	369,000,000
Công ty CP Đầu tư Phát triển CN MT Liên Hiệp Xanh	27,500,000	27,500,000
Luật sư Nguyễn Thành Vàng	136,892,630	30,000,000
Quang Trung	7,965,000	7,965,000
Nguyễn Văn Tinh	50,000,000	100,000,000
Trần Công Bằng	168,000,000	-
Trung tâm truyền thông và tư vấn môi trường Đồng Nai	20,570,000	-
Công ty TNHH Tân Việt Thắng	9,881,800,000	-
Kohinoor Internation	36,399,429	36,399,429
Right Mark Intl - Máy phân loại hạt điều	458,216,000	-
Các đối tượng khác	-	537,121,662
<b>Cộng</b>	<b>31,038,291,446</b>	<b>23,543,970,537</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ vay ngắn hạn, lãi vay phải thu Cty Thọ Vực	221,143,667	221,143,667
Công ty Phát hành sách Đồng nai	204,000,000	653,000,000
Công ty CP may Đồng Nai	1,400,000,000	2,400,000,000
Công ty CP Dược Đồng Nai	-	1,012,605,000
Công ty Giày dép Cao Su Màu	486,052,500	734,324,513
Công ty CP Gốm Việt Thành	212,176,752	-
Công ty Long Đức	-	6,879,912,171
Phải thu khác	388,007,992	743,961,066
<b>Cộng</b>	<b>2,911,380,911</b>	<b>12,644,946,417</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	100,729,152,832	109,045,385,104
Công cụ, dụng cụ	2,065,594,812	1,373,559,497
Chi phí SXKD dở dang	90,146,566,973	111,448,646,761
Thành phẩm	125,604,421,356	85,635,770,147
<b>Cộng</b>	<b>318,545,735,973</b>	<b>307,503,361,509</b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	664,646,148	1,014,504,070
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	9,599,841,102
<b>Cộng</b>	<b>664,646,148</b>	<b>10,614,345,172</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	56,713,170,429	39,936,765,226	5,322,686,455	892,528,229	102,865,150,339

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mua trong năm	2,295,219,365	7,007,610,000	457,304,200	565,454,545	10,325,588,110
Thanh lý, nhượng bán	132,086,426	1,580,364,746	-	-	1,712,451,172
<b>Số cuối năm</b>	<b>58,876,303,368</b>	<b>45,364,010,480</b>	<b>5,779,990,655</b>	<b>1,457,982,774</b>	<b>111,478,287,277</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	30,594,855,958	19,481,084,003	2,292,609,697	526,038,266	52,894,587,924
Khấu hao trong năm	3,326,312,206	3,375,829,652	579,570,365	118,155,990	7,399,868,213
Thanh lý, nhượng bán	108,212,119	1,377,321,288	-	-	1,485,533,407
<b>Số cuối năm</b>	<b>33,812,956,045</b>	<b>21,479,592,367</b>	<b>2,872,180,062</b>	<b>644,194,256</b>	<b>58,808,922,730</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	26,118,314,471	20,455,681,223	3,030,076,758	366,489,963	49,970,562,415
<b>Số cuối năm</b>	<b>25,063,347,323</b>	<b>23,884,418,113</b>	<b>2,907,810,593</b>	<b>813,788,518</b>	<b>52,669,364,547</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13,521,672,232 đồng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chuyển nhượng tài sản trên đất	4,300,000,000	4,300,000,000
Thiết kế, thẩm tra bản vẽ kỹ thuật thi công	3,118,870	100,000,000
Di dời trạm điện Xuân Lộc về Long Khánh	66,828,403	-
<b>Cộng</b>	<b>4,369,947,273</b>	<b>4,400,000,000</b>

**9. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Cty phát hành sách Đồng Nai	51.00%	2,040,000,000
Công ty Cổ Phần Dược Đồng Nai	51.00%	10,126,050,000
Công ty Donafoods Thái Bình	60,01%	12,002,000,000
<b>Cộng</b>		<b>24,168,050,000</b>

**10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty Gốm Việt Thành	30.00%	3,520,461,000
Cty Cổ Phần Long Đức	40.00%	26,000,640,000
Cty CP giấy dếp cao su màu Đồng Nai	37.45%	3,240,350,000
Cty CP Thẩm Định giá Đồng Nai	51.00%	1,380,000,000
<b>Cộng</b>		<b>34,141,451,000</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí	Kết chuyển vào			Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng trong năm	chi phí	
Chi phí chờ phân bổ	2,180,132,411	2,453,731,698	1,735,298,544.00	2,898,565,565
<b>Cộng</b>	<b>2,180,132,411</b>	<b>2,453,731,698</b>	<b>1,735,298,544</b>	<b>2,898,565,565</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>392,701,366,852</b>	<b>284,291,903,932</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Vay Ngân hàng Công thương	171,103,602,928	99,491,368,271
Vay Ngân hàng Ngoại thương	-	39,707,886,970
Vay Ngân hàng Quân đội	21,493,891,100	19,096,151,800
Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN Đồng Nai	10,410,000,000	28,915,014,400
Vay Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội	103,560,137,400	95,081,482,491
Vay Ngân hàng An Bình	25,683,735,424	-
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	50,000,000,000	-
Vay các đối tượng khác	10,450,000,000	2,000,000,000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>625,200,000</b>	-
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	625,200,000	-
<b>Cộng</b>	<b>393,326,566,852</b>	<b>284,291,903,932</b>

**13. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi Commodities - Canada	2,575,503,210	2,575,503,210
Nhà máy cơ khí Đồng Nai	277,187,350	299,720,300
Công ty Dakhn Gate Ấn Độ	442,387,136	442,387,136
Công ty SXKD giấy in và bao bì Liskin	207,108,000	333,896,200
Công ty Motley Resources	250,805,152	250,805,152
Sita S.A	515,451,552	515,451,552
Công ty TNHH Tấn Tấn Lộc	164,423,534	32,736,000
Iar Agricultural	-	2,485,001,801
Indonersia	-	50,057,390
Công ty TNHH Việt Hòa Phát	-	58,858,808
3F Ghana	1,076,867,376	1,420,720,993
Công ty Rals	-	1,821,029,530
Công ty Olam Singapore	-	820,691,724
Cơ sở Tín Diệu	1,923,750,000	-
Nguyễn Minh Đạo	697,405,400	-
Michael Waring Trading	533,020,392	-
Công ty TNHH MTV Quang Huy Phát	206,107,000	-
Các đối tượng khác	664,646,730	1,455,211,451
<b>Cộng</b>	<b>9,534,662,832</b>	<b>12,562,071,247</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT	-	14,937,048,037	14,937,048,037	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	943,535,764	943,535,764	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	103,815,678	103,815,678	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35,301,061,283	-	36,351,770,409	(1,050,709,126)
Thuế thu nhập cá nhân	-	112,016,779	112,016,779	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	866,879,278	866,879,278	-
Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>35,301,061,283</b>	<b>16,966,295,536</b>	<b>53,318,065,945</b>	<b>(1,050,709,126)</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Xuất khẩu dầu điều, nhân điều, gia công xuất khẩu hạt maca	0%
- Bán nội địa nhân điều, vỏ lụa, điều tươi sấu...	5%
- Bán nội địa bã điều ép, dầu điều, nhân điều...	10%

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng hộ các nhà máy	14,280,000	8,550,000
Phải trả khác	434,160,223	584,071,737
<b>Cộng</b>	<b><u>448,440,223</u></b>	<b><u>592,621,737</u></b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	7,910,058,114	12,675,551,592
Quỹ phúc lợi	263,630,813	1,189,806,868
Quỹ thưởng ban điều hành công ty	567,331,941	815,331,941
<b>Cộng</b>	<b><u>8,741,020,868</u></b>	<b><u>14,680,690,401</u></b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn</i>	<b>416,000,000</b>	<b>2,133,100,000</b>
Vay Ngân hàng Quân Đội	-	466,700,000
Vay Quỹ } T PT } ồng Nai	416,000,000	1,666,400,000
<i>Nợ dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>416,000,000</u></b>	<b><u>2,133,100,000</u></b>

**18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa PP
	4111	4112	414	415	4211
Số đầu năm nay	111,040,525,340	476,858,297	68,088,040,743	12,005,813,050	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	(36,459,944,484)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>111,040,525,340</u></b>	<b><u>476,858,297</u></b>	<b><u>68,088,040,743</u></b>	<b><u>12,005,813,050</u></b>	<b><u>(36,459,944,484)</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**19. Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>614,733,226,924</b>	<b>949,394,895,823</b>
- Doanh thu bán vật tư, bao bì, công cụ	1,451,066,000	2,832,085,000

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Doanh thu bán các sản phẩm mới, cao cấp	648,249,073	110,898,692
- Doanh thu các loại sản phẩm điều	612,560,575,860	946,451,912,131
- Doanh thu xuất mẫu	73,335,991	
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>668,527,428</b>	<b>10,528,250</b>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	668,527,428	-
- Hàng bán bị trả lại	-	10,528,250
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>614,064,699,496</b>	<b>949,384,367,573</b>
<b>20. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	1,451,066,000	76,600,000,000
Giá vốn thành phẩm	601,043,318,345	871,094,217,705
<b>Cộng</b>	<b>602,494,384,345</b>	<b>947,694,217,705</b>
<b>21. Doanh thu tài chính</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,370,922,365	4,353,106,060
Lãi chênh lệch tỷ giá	711,122,252	10,466,774,564
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	857,025,748
Lãi bán cổ phần công ty Long Đức	-	229,330,405,688
Cổ tức nhận được những năm trước	-	2,408,916,500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,636,412,203	-
<b>Cộng</b>	<b>3,718,456,820</b>	<b>247,416,228,560</b>
<b>22. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	36,664,358,413	54,454,719,250
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1,736,410,755
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2,738,042,401	22,851,091,808
<b>Cộng</b>	<b>39,402,400,814</b>	<b>79,042,221,813</b>
<b>23. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí bán dầu điều	1,498,023,924	1,013,684,520
Chi phí bán sản phẩm mới	305,727,895	179,562,360
Chi phí bán nhân điều	3,494,583,511	4,315,560,658
<b>Cộng</b>	<b>5,298,335,330</b>	<b>5,508,807,538</b>
<b>24. Chi phí quản lý</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí quản lý nhân điều	5,579,677,100	12,804,103,831
Chi phí quản lý dầu vò điều	2,993,005,553	2,756,938,657
Chi phí quản lý sản phẩm mới	2,335,687,037	1,127,756,400
<b>Cộng</b>	<b>10,908,369,690</b>	<b>16,688,798,888</b>

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**25. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Bán bao tã rách	23,454,546	61,301,905
Bán thùng phuy	-	7,055,909
Bán sắt phế liệu	133,136,364	-
Thanh lý tài sản	124,272,727	-
Chênh lệch điều thô nhập khẩu	5,345,048,494	-
Chênh lệch giữa sổ sách và kiểm kê	-	9,660,117
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	10,000,000	-
Bồi thường do vận chuyển, bảo quản điều	238,974,000	119,979,000
Cho thuê máy phân loại	56,333,000	-
Cân xe	22,089,091	-
Thu nhập khác	-	296,010,973
<b>Cộng</b>	<b>5,953,308,222</b>	<b>494,007,904</b>

**26. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thuê mặt bằng, nhà xưởng	372,000,000	287,000,000
Tiền phạt thuế, phạt hành chính	1,346,758,543	189,568,074
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	214,582,900	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	343,848,228
Chi phí khác	159,577,400	534,809,916
<b>Cộng</b>	<b>2,092,918,843</b>	<b>1,355,226,218</b>

**VII MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	79.32	78.93
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	20.68	21.07
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	72.86	64.85
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	27.14	35.15
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.37	1.54
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.09	1.22
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.04	0.11
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(5.94)	15.48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	(5.94)	11.62

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

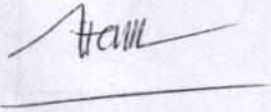
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

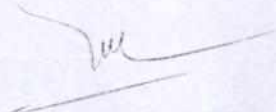
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(6.38)	26.97
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(6.38)	20.23
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	(23.50)	57.56


Đồng Nai, Ngày 26 tháng 01 năm 2013



**Phạm Thị Tâm**  
Người lập biểu



**Lưu Thị Nga**  
Kế Toán Trưởng

  
**Nguyễn Thái Học**  
Giám đốc